

Bản án số 26/2022/DS-PT

Ngày 11/02/2022.

*V/v tranh chấp thừa kế tài sản, hủy giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất.*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tự Học;

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Đình Lực;  
Ông Nguyễn Vũ Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn S, sinh năm 1955; trú tại: khu 6, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, bà Đoàn Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; bà H1 vắng mặt, có gửi bản luận cứ; bà H có mặt.

**\* Bị đơn:**

1. Ông Vũ Văn Nh, sinh năm 1958; vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Nh:* Chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1991; có mặt.

Cùng trú tại: số 1, ngách 17, ngõ 17 Đội V, phường Trại Ch, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng;

2. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1966; trú tại: Khu 6, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Vũ Văn Nh1, sinh năm 1961; trú tại: Khu 6, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966; chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1991; chị Vũ Thị Khánh Ch1, sinh năm 1995; cùng trú tại: số 1, ngách 17, ngõ 17 Đội V, phường Trại Ch, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; bà Th1, chị Ch1 vắng mặt, chị Ph; có mặt.

3. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1966; chị Vũ Thị D, sinh năm 1991; anh Vũ Hồng L1, sinh năm 1995; cùng trú tại: Khu 6, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; trụ sở: khu 2 thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Đ - Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn S trình bày:*

Cụ Vũ Văn Ng (chết năm 1984) và cụ Trịnh Thị Ch2 (Tr1) (chết năm 2015), hai cụ có 04 người con chung là: Ông Vũ Văn S, ông Vũ Văn Nh, ông Vũ Văn Nh1, ông Vũ văn T. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng. Khi còn sống cụ Ng, cụ Ch2 tạo dựng được khối tài sản chung là 540m<sup>2</sup> đất tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 do cả gia đình tạo dựng nên để ở. Năm 1988, ông S và ông Nh1 ra ngoài ở riêng do được nhà nước cấp đất cho ở. Năm 1991, ông Nh lấy vợ nên xây nhà trên diện tích của bố mẹ để ở và đã phá căn nhà cấp 4 của gia đình. Năm 2007, UBND huyện Tiên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Nh bà Th1 diện tích đất là 296m<sup>2</sup>; ông T và bà M diện tích đất 285,6m<sup>2</sup>; tờ bản đồ số 02 thửa số 30 tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L thành phố Hải Phòng.

Ông Vũ Văn S cho rằng: Năm 2004, gia đình có xảy ra tranh chấp về việc chia đất nên đã họp gia đình. Cụ Ch2 đã nhất trí cho 4 anh em đất. Cuộc họp có lập biên bản, cụ Ch2 có ký và giao cho ông T phô tô biên bản ra nhiều bản cho mọi người nhưng ông T không phô tô mà xé đi. Khi UBND huyện Tiên L cấp GCNQSDĐ cho ông Nh, ông T đã không lấy ý kiến của ông S, ông Nh1. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Tiên L đã cấp cho ông T, ông Nh và chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất của cụ Ng, cụ Ch2 để lại.

*Bị đơn ông Vũ Văn Nh, ông Vũ Văn T trình bày:*

Do ông S, ông Nh1 đã được nhà nước cấp đất, nên năm 1991 cụ Ch2 cho ông Nh và ông T mỗi người một nửa diện tích đất tranh chấp. Trước năm 2007, Nhà nước có chủ trương làm GCNQSDĐ, gia đình có ý định làm GCNQSDĐ cho ông Nh và ông T, khi đó ông S không đồng ý nên cả gia đình đã họp, ông không nhớ họp ngày tháng năm nào, cuộc họp có cụ Ch2, 4 anh em và vợ ông T, vợ ông S. Nội dung cuộc họp là cụ Ch2 chỉ cho ông T, ông Nh đất, không đồng ý cho ông S, ông Nh1. Cuộc họp không ghi lại bằng văn bản chỉ nói bằng miệng. Ông T xây nhà năm 2005-2006, diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> và công trình phụ số tiền khoảng 40 triệu đồng. Ông Nh xây nhà từ năm 1991 diện tích 30m<sup>2</sup> nhà cấp 4 khoảng 20 triệu đồng. Đến năm 2002, gia đình ông Nh chuyển nhà ra thành phố ở, có nhờ ông T trông coi đất giúp.

Thời điểm cấp GCNQSDĐ cụ Ch2 đã lên xã có ý kiến bằng miệng là cho ông Nh và ông T diện tích đất tranh chấp, vì thời điểm đó cụ Ch2 chưa được cấp GCNQSDĐ nên không làm hợp đồng tặng cho được. Việc UBND huyện Tiên L cấp GCNQSDĐ cho ông Nh và ông T là đúng. Ông Nh và ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Th1, chị Vũ Thị Ph có quan điểm thống nhất với lời khai của ông Nh.

- Bà Trịnh Thị M, chị Vũ Thị D, anh Vũ Hồng L1 đều thống nhất với quan điểm của ông T.

- Ông Vũ Văn Nh1 trình bày: Đề nghị Tòa không chia đất cho ai, để ông T sử dụng diện tích đất tranh chấp với điều kiện không được chuyển nhượng cho ai. Còn nếu bắt buộc phải chia đề nghị Tòa chia đều cho 4 anh em.

- UBND huyện Tiên L trình bày tại Văn bản ngày 07/3/2019: Trước năm 1989 UBND xã không có hồ sơ lưu. Tại sổ viết tay năm 1989 thể hiện diện tích 540m<sup>2</sup> đứng tên hộ Trịnh Thị Tr1. sổ mục kê năm 2004 thể hiện trang 61, tờ bản đồ số 30 thửa số 97 diện tích 597,7m<sup>2</sup> chủ sử dụng là Vũ Văn T. Theo sổ theo dõi cấp GCNQSDĐ đã được chỉnh lý thành 2 thửa: Thửa số 27 tờ bản đồ số 30 diện tích 285,6m<sup>2</sup> cấp GCNQSDĐ số AN438222 cho hộ ông Vũ Văn T; thửa số 365 tờ bản đồ số 30, diện tích 296m<sup>2</sup> cấp GCNQSDĐ số AN 438225 cho hộ ông Vũ Văn Nh. Thời điểm năm 2007, hộ ông T, ông Nh có đơn xin GCNQSDĐ, UBND huyện Tiên L đã thực hiện hồ sơ cấp đất đúng theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 165, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 611, Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, chi, miễn, giảm án phí, lệ phí; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn S.

Xác định di sản là diện tích 595,2m<sup>2</sup> đất thửa số 97, 365 tờ bản đồ số 30 tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là của cụ Vũ Văn Ng và cụ Trịnh Thị Ch2 (Tr1) chia theo quy định của pháp luật:

Giao cho ông Vũ Văn T được quyền sử dụng 238m<sup>2</sup> trên có nhà xây và công trình xây dựng khác gắn liền với đất do ông Vũ Văn T và bà Trịnh Thị M xây tại thửa 97, 365 tờ bản đồ số 30, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (vị trí (1), có mốc giới: 1-2, 2-3, 3-4, 4-1 (kích thước có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Vũ Văn Nh1 quyền sử dụng 118,5m<sup>2</sup> đất tại thửa 97, 365 tờ bản đồ số 30, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (vị trí (2), có mốc giới từ 3-4, 4-5, 5-6, 6-3 (kích thước có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Vũ Văn S được quyền sử dụng 119m<sup>2</sup> đất tại thửa 97, 365 tờ bản đồ số 30, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng (vị trí (3), có mốc giới 5-6, 6-7, 7-8, 8-5 (kích thước có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Vũ Văn Nh được quyền sử dụng diện tích 119,7m<sup>2</sup> trên có nhà xây cấp 4 do ông Nh và bà Th1 xây tại thửa 97, 365 tờ bản đồ số 30, thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vị trí (4) mốc giới: 7-8, 8-10, 10-9, 9-7 (kích thước có sơ đồ kèm theo). Ông Vũ Văn Nh phải trả cho ông Vũ Văn Nh1 số tiền là 280.000đ (hai trăm tám mươi nghìn đồng) trị giá 0,08m<sup>2</sup> đất; trả cho ông Vũ Văn Nh1 số tiền 1.890.000đ (một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) trị giá 0,54m<sup>2</sup> đất; trả cho ông Vũ Văn S số tiền 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng) trị giá 0,04m<sup>2</sup> đất.

Ông Vũ Văn T và bà Trịnh Thị M phải tự di dời cây trồng trên đất đã giao cho ông Vũ Văn Nh1, ông Vũ Văn S, ông Vũ Văn Nh.

Do diện tích đất giao thừa kế nằm ở mặt đường Cầu Tr - Bến Sủ nên các bên đương sự phải tự mở lối đi theo diện tích được giao.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 438222 ngày 20/12/2007 của UBND huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng đã cấp cho hộ ông Vũ Văn T, bà Trịnh Thị M và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 438225 ngày 20/12/2007 UBND huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng cấp cho hộ ông Vũ Văn Nh, bà Nguyễn Thị Th1.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 và 05/12/2019, bị đơn ông Vũ Văn Nh, ông Vũ Văn T kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Vũ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Nh cho rằng không đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp là của cụ Ng và cụ Tr1, việc cụ Tr1 cho đất ông T và ông Nh là hợp pháp; việc UBND huyện Tiên L cấp GCNQSDĐ cho ông Nh, ông T là đúng quy định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Ph đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng hàng thừa kế, di sản thừa kế và chia thừa kế theo pháp luật cũng như xem xét phân chia giá trị và hiện vật là phù hợp, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nh, ông T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, hình thức của đơn kháng cáo tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết.

Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Vũ Văn Ng chết năm 1984 và cụ Trịnh Thị Ch2 chết năm 2015. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao phải áp dụng Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 nên vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét nguồn gốc đất tranh chấp và di sản thừa kế:

Cụ Vũ Văn Ng (chết năm 1984) và cụ Trịnh Thị Ch2 (Tr1) (chết năm 2015). Hai cụ có 04 người con chung là các ông Vũ Văn S, Vũ Văn Nh1, Vũ Văn Nhữ và Vũ Văn T. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 540m<sup>2</sup> đất và trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4. Khi hai cụ chết đều không để lại di chúc.

Căn cứ các tài liệu quản lý đất đai tại địa phương, xác định nguồn gốc diện tích 540m<sup>2</sup> đất tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng hiện do gia đình ông Vũ Văn T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của cụ Vũ Văn Ng và cụ Trịnh Thị Ch2. Theo Sổ mục kê năm 2004 thì thửa đất đang tranh chấp có diện tích là 540m<sup>2</sup> nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì hiện trạng thửa đất do hộ gia đình ông T đang quản lý sử dụng có diện tích là 595,2m<sup>2</sup>, chính quyền địa phương xác nhận thửa đất có biến động tăng về diện tích là do sai số khi đo đạc, vị trí, mốc giới không thay đổi, không có sự lấn chiếm và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Ng, cụ Ch2 để lại theo diện tích hiện trạng là 595,2m<sup>2</sup> là phù hợp.

Ông T và ông Nh kháng cáo cho rằng theo quy định tại Điều 19; Điều 20 Hiến pháp năm 1980 và khoản 1 mục II Thông Tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 thì đất đai (kể cả đất canh tác, đất ở, đất hương hỏa) không phụ thuộc quyền sở hữu riêng của công dân nên không thể là di sản thừa kế. Nếu người đang sử dụng đất chết thì việc điều chỉnh quyền sử dụng đất sẽ do pháp luật về đất đai quy định nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận quyền sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Ng là không có cơ sở. Xét thấy, tại tiểu mục 1.3 mục I phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc xác định quyền sử dụng đất là di sản có nêu rõ: *“Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại tiểu mục 1.1 và 1.2 mục I này nhưng có di sản là nhà ở và vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất đó và có văn bản xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đó được xem là di sản..”*. Các ông S, ông Nh1, ông Nh, ông T đều thừa nhận diện tích đất 540m<sup>2</sup> là của cụ Ng, cụ Ch2 để lại và trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do hai cụ xây dựng cho đến năm 1991, ông Nh mới phá đi để xây dựng nhà mới. Đồng thời, chính quyền địa phương cũng xác nhận nguồn gốc thửa đất là của cụ Ng, cụ Ch2 và theo sổ sách quản lý đất đai của địa phương năm 1989 thì diện tích đất trên vẫn đứng tên cụ Ch2, việc biến động tăng về diện tích là do sai số khi đo đạc, vị trí, mốc giới không thay đổi, không có sự lấn chiếm và không có tranh chấp với các hộ liền kề, có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất nhưng chưa được cấp GCNQSD đất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích quyền sử dụng diện tích 595,2m<sup>2</sup> đất (theo hiện trạng) là có cơ sở và đúng quy định.

[2.2] Xét việc UBND huyện Tiên L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN438222 và số AN438225 ngày 20/12/2007 cho hộ ông Vũ Văn Nh, ông Vũ Văn T:

Như đã phân tích ở phần trên thì diện tích 595,2m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 97 và thửa số 365 tờ bản đồ số 30 tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L là di sản của cụ Ng, cụ Ch2. Hai cụ chết đều không để lại di chúc nên quyền sử dụng diện tích đất nói trên thuộc các đồng thừa kế là ông S, ông Nh1, ông Nh, ông T. Khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nh và hộ ông T, UBND huyện Tiên L không lấy ý kiến của các đồng thừa kế khác của cụ Ng, cụ Ch2 là không đúng quy định tại các Điều 49; Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 48 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ quy định về việc cấp GCNQSD đất. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nh và ông T cho rằng cụ Ch2 đã cho cho ông Nh, ông T mỗi người ½ diện tích đất đang tranh chấp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Nh, ông T cũng không có giấy tờ, tài liệu thể hiện ý chí của cụ Ch2 về việc tặng cho ông Nh, ông T diện tích đất nói trên. Theo quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về việc tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực, vì vậy lời trình bày của ông Nh, ông T là không có cơ sở. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các GCNQSD đất do UBND huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Vũ Văn Nh và ông Vũ Văn T là có căn cứ, đúng quy định.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Tiên L đã cấp cho hộ ông Nh, bà Th1 và hộ ông T bà M. Xác định diện tích 595,2m<sup>2</sup> đất thửa số 97 và thửa số 365 tờ bản đồ số 30 tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Ng, cụ Ch2 để lại chia theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm

[2.3] Đối với việc phân chia di sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp xác định diện tích 595,2m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 97 và thửa số 365 tờ bản đồ số 30 tại thôn Lộc Tr, xã Tiên Th, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Vũ Văn Ng và cụ Trịnh Thị Ch2 để lại chia theo quy định của pháp luật và căn cứ theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ng, cụ Ch2 là ông S, ông Nh1, ông Nh, ông T được hưởng thừa kế tài sản pháp luật. Xét thấy, gia đình ông Vũ Văn T đã ở trên diện tích đất từ trước cho đến nay, đã có công giữ gìn, tôn tạo đất và chăm sóc thờ cúng bố mẹ nên đã chia cho ông T một phần diện tích đất tương đương 01 kỷ phần thừa kế. Theo Bản án sơ thẩm thì ông Vũ Văn T được quyền sử dụng 238,08m<sup>2</sup> (02 kỷ phần), trên đất có xây dựng các công trình kiên cố, công trình phụ; ông S, ông Nh1, ông Nh mỗi người được quyền sử dụng diện

tích 119m<sup>2</sup> đất (01 kỷ phần) là đảm bảo công bằng, đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quyết định giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bản án số 39/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Vũ Văn T và ông Vũ Văn Nh, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Ông Vũ Văn Nh là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn Nh và ông Vũ Văn T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn Nh là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai số 0008529 ngày 17/3/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Tự Học**